

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 4 - THÁNG 3/2024



8934602001078

Website: <http://tapchicongthuong.vn>



- HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**
- GS.TS. Trần Thọ Đạt**
GS.TS. Trần Văn Địch
GS.TS. Nguyễn Bách Khoa
GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê
GS.TSKH. Bành Tiến Long
GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh
GS.TS. Đinh Văn Sơn
GS.TSKH. Trần Văn Sung
GS.TS. Lê Văn Tán
GS. TS. Phạm Minh Tuấn
GS.TSKH. Đào Trí Úc
GS.TSKH. Đặng Ứng Vận
GS.TS. Võ Khánh Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Đặng Thị Ngọc Thu

ĐT: 0968939668

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ngô Thị Diệu Thúy

ĐT: 0903223096

Phạm Thị Lệ Nhung

ĐT: 0912093191

TÒA SOẠN

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: 0936.131861

Email: tapchicongthuong.moit@gmail.com

VĂN PHÒNG

ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai,

P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38213488

Fax: (028) 38213478

Giấy phép hoạt động báo chí số:

196/GP-BTTTT

Cấp ngày 05/06/2023

Trình bày: Tại Tòa soạn

In tại Công ty CP Đầu tư và

Hợp tác quốc tế

Giá 250.000 đồng

Website: www.tapchicongthuong.vn

MỤC LỤC

CONTENTS

ISSN: 0866-7756 Số 4 - Tháng 3/2024

KINH TẾ

ĐẶNG QUANG THIÊN

Thực trạng và giải pháp phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia
The current situation and solutions for the development
of typical national-level rural industrial products8

TRỊNH TÚ ANH - TRỊNH THÙY ANH - NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Ứng dụng và phát triển nghiên cứu công nghệ đại dương cho Việt Nam
Applying and developing ocean technology research for Vietnam.....16

PHÙNG NGỌC TRIỀU

Phương pháp thí nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng trong nghiên cứu đánh giá tác động
áp dụng công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp
Evaluating the impacts of new technologies on agricultural production through
the Randomized Controlled Trials.....24

LƯƠNG THỊ MINH THU - BÙI THỊ NGỌC TÚ - PHẠM THỊ THU THỦY - VŨ QUỲNH TRANG - NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Tác động của các yếu tố đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam: Tiếp cận từ mô hình trọng lực
A gravity model approach to the factors affecting Vietnam's garment exports.....30

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Thực hiện trách nhiệm xã hội của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam
The implementation of corporate social responsibility
in Vietnam National Coal and Mineral Industries Group37

TRƯƠNG THỊ NHƯ HÀ - NGUYỄN THỊ THU TRANG

Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tới tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng
A study on the impact of foreign direct investment (FDI) on Hai Phong's economic growth.....44

NGUYỄN THANH HUYỀN - NGÔ THỊ QUYÊN

Năng lượng tái tạo và định hướng phát triển cho Việt Nam
Renewable energy and development orientations for Vietnam52

VŨ MẠNH CƯỜNG

Ứng dụng digital marketing trong phát triển ngành Du lịch tỉnh Bình Thuận
Using digital marketing to promote Binh Thuan province's tourism.....59

LƯƠNG LÊ BẢO THẮNG

Đề xuất phát triển du lịch nông nghiệp sáng tạo tại thành phố Long Khánh: Áp dụng cho các doanh nghiệp trồng nấm công nghệ cao Solutions to develop creative agricultural tourism in Long Khanh city: Applying to high-tech mushroom growing businesses	54
--	----

LÊ THỊ NGHĨA - NGUYỄN HOÀNG XUÂN THẢO - NGUYỄN THỊ ĐAN THỊ

Thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại tỉnh Trà Vinh: Thực trạng và giải pháp Facilitating high-tech agricultural development in Tra Vinh province: Current situation and solutions.....	72
---	----

PHẠM THỊ NGỌC MAI

Đánh giá những kết quả đạt được trong thu hút đầu tư tại thành phố Hải Phòng Evaluating Hai Phong's achievements in investment attraction	79
--	----

NGUYỄN VĂN ĐỢI

Hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam thời kỳ hậu đại dịch Covid-19 Integrating into international economy to expand markets: Theory and practice in Vietnam in the post-COVID-19 era	84
--	----

QUẢN TRỊ - QUẢN LÝ

NGUYỄN THỊ HỒNG NGUYỆT - HOÀNG THỊ VÂN - HỒ THỊ KHÁNH VIÊN

Tín hiệu chất lượng điểm đến thông qua hình ảnh điểm đến, giá trị cảm xúc và ý định lựa chọn điểm đến du lịch sinh thái Đồng bằng sông Cửu Long của khách du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh Destination quality signals through destination image, emotional value, and intention of tourists in Ho Chi Minh City to choose Mekong Delta ecotourism destinations	90
---	----

NGUYỄN QUANG HƯNG - CÔNG THỊ MINH SƠN

Ngành công nghiệp in Việt Nam thích ứng với Net Zero Vietnam's printing industry adapts to Net Zero	96
--	----

BÙI NHƯ HIỂN - HOÀNG MAI PHƯƠNG

Phân tích các nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp Analyzing research on innovation in businesses around the world and in Vietnam	101
---	-----

NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH - TRẦN THỊ THANH THỦY - ĐẬU THỊ TÂM - CAO HỒNG QUÂN

Năng lực đổi mới sáng tạo cho sinh viên khối ngành Kinh tế tại một số trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An The innovative creativity competence of students majoring in economics in some universities in Nghe An province	110
---	-----

ĐỖ HOÀNG NAM - PHẠM VĂN TÀI

Phân tích tình cảm người dùng tiktok để kinh doanh: Sử dụng phương pháp Long Short-Term Memory Sentiment analysis of TikTok users for business: Using Long Short-Term Memory methods	116
--	-----

VÕ THỊ THƯỜNG

Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái tại khu du lịch Yang Bay, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

The participation of local communities in ecotourism activities in the Yang Bay tourist area, Khanh Vinh district, Khanh Hoa province.....

120

NHAN CẨM TRÍ

Hoàn thiện dịch vụ vận chuyển cho các công ty vận tải bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh

Improving transportation services for road transport companies in Ho Chi Minh City.....

126

KINH DOANH

CAO MINH TOÀN - TRẦN THỊ TUYẾT NHI

Nghiên cứu về mức giá người tiêu dùng TP. Long Xuyên mong đợi đối với sữa bột ngũ cốc dinh dưỡng

A study on the consumer's expected price for cereal powder in Long Xuyen city

133

NGUYỄN NHẬT TÂN

Chuyển đổi số trong kinh doanh: Cơ hội, thách thức và mô hình đề xuất

Digital transformation in doing business: Opportunities, challenges, and a proposed research model.....

140

ĐỖ HẢI NAM - CHỬ THỊ KIM NGÂN - NGÔ TUẤN HÙNG

Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao gắn với xây dựng thương hiệu du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Developing high-quality tourism products associated with the tourism brand development in Phu Tho province.....

147

HUỖNH TRỌNG TẤN

Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ ứng dụng ShopeeFood của sinh viên ở TP. Hồ Chí Minh

Factors affecting the intention of students in Ho Chi Minh City to use ShopeeFood

152

NGUYỄN THỊ THU TRANG

Nghiên cứu về thói quen tiêu dùng của người Việt thay đổi sau đại dịch Covid-19

A study on changes in Vietnamese people's consumption habits after the COVID-19 pandemic.....

158

TRẦN ĐỨC TÙNG - LÊ QUANG THIÊN

Đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo đến ý định mua hàng trên nền tảng mạng xã hội

A research model for exploring the impact of artificial intelligence on the purchase intention of consumers on social networks

163

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

Tác động của rủi ro cảm nhận đến ý định mua sắm trực tuyến của người dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

The impact of perceived risk on the customer's online purchase intention in Long Xuyen city, An Giang province.....

170

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG - BẢO HIỂM

NGUYỄN THỊ HỒNG MINH

Phát triển ngân hàng số trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay

The development of digital banking in the context of Vietnam's current digital transformation process

178

ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC

Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp hiệu quả, an toàn, bền vững sau khủng hoảng
Developing an effective, safe and sustainable corporate bond market
after the crisis in Vietnam184

PHAN MINH TRÍ

Các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thị trường TobinQ của doanh nghiệp bất động sản niêm yết
trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Factors affecting the Tobin's Q market value of real estate companies listed
on the Ho Chi Minh City Stock Exchange190

TRẦN THỊ THU HÀ

Hoàn thiện xác định tỷ giá trong việc hạch toán ngoại tệ tại các doanh nghiệp xuất khẩu thuyền viên
trên địa bàn Thành phố Hải Phòng
Completing the exchange rate determination in foreign currency accounting
at seafarer exporters in Hai Phong City197

TRẦN THỊ THANH THẢO

Giải pháp thúc đẩy việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam
Solutions for successfully applying the International Financial Reporting Standards (IFRS) in Vietnam204

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại cổ phần trong năm 2024
Strengthening the competitiveness of Vietnamese joint stock commercial banks in 2024210

LÊ HÀ TRANG

Quy mô dự trữ ngoại hối tối ưu - Lý luận và thực tiễn tại Việt Nam
Foreign exchange reserve adequacy - Theory and practice in Vietnam.....216

NGUYỄN THỊ THU

Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng số của khách hàng
tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn
Factors affecting the intention of customers to use digital banking services provided
by the Military Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch.....222

HUYỀN THỊ NHƯ THẢO

Phát triển tín dụng xanh: Nhìn từ định hướng chiến lược của bốn ngân hàng lớn của Việt Nam
Developing green credit from a perspective of the strategic orientation
of Vietnam's four largest banks228

VÕ VĂN HÀO

Thực trạng và giải pháp phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam
Current situation and solutions for the development
of the Vietnamese corporate bond market.....233

ĐẶNG TRÍ DŨNG - NGUYỄN TRUNG HIẾU

Bài học kinh nghiệm từ thị trường Hoa Kỳ về sự thành công
của các nền tảng huy động vốn cộng đồng dựa trên công nghệ
Lessons learned from the US market on the success
of technology-base crowdfunding platforms240

ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG

Thực trạng tín dụng ngân hàng cuối năm 2023 và giải pháp đề xuất cho năm 2024
The situation of bank credit at the end of 2023 and solutions for 2024.....246

NGUYỄN PHÚC QUÝ THẠNH - CHÂU ĐÌNH LINH - DƯƠNG VĂN BÔN - LÊ MINH HOÀNG LONG - PHẠM XUÂN VƯƠNG

Chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng tại các
ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam
The satisfaction of corporate customers with the service quality
of Vietnamese joint stock commercial banks.....254

ĐOÀN THỊ NGUYỆT

Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ khách hàng trong quá trình chuyển đổi số
tại các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam
Factors affecting the customer service quality of Vietnamese non-life insurance businesses during
the digital transformation.....259

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH - ĐỖ CẨM NHUNG

Vận dụng mô hình Z - score nâng cao hiệu quả cấu trúc tài chính
của một số doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam
Using the Z-score to improve the financial structures
of some Vietnamese shipping businesses264

TRẦN THỊ BÌNH MINH

Một số giải pháp để thực hiện có hiệu quả chính sách tài khóa của Việt Nam
Some solutions for effectively implementing the fiscal policy in Vietnam270

KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Thực trạng thị trường dịch vụ kế toán hiện nay và nội dung kiểm tra
hoạt động dịch vụ kế toán
The current status of the accounting services market and the contents
of checking accounting service activities278

NGUYỄN TẤN KHOA

Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Việt Nam
Strengthening tax inspection and examination in Vietnam283

NGÔ THỊ NGUYÊN

Cơ hội và thách thức của ngành Kế toán, Kiểm toán trong bối cảnh chuyển đổi số
ở Việt Nam hiện nay
Opportunities and challenges for Vietnam's accounting and auditing field
in the on-going digital transformation288

NGUYỄN THỊ MINH HUỆ - PHẠM NGỌC QUANG

Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
The internal control of the sales-collection cycle at Petrolimex Insurance Joint Stock Company (PJICO).....294

NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

● NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH - TRẦN THỊ THANH THỦY
- ĐẬU THỊ TÂM - CAO HỒNG QUÂN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của sinh viên các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học khối ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Việc đánh giá, phân tích thực trạng năng lực ĐMST của sinh viên, từ đó, đề xuất những giải pháp có giá trị thực tiễn nhằm cải thiện môi trường học tập, phương pháp dạy học... nâng cao năng lực ĐMST của sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học của Nghệ An, phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay.

Từ khóa: đổi mới sáng tạo, sinh viên khối ngành kinh tế, tỉnh Nghệ An.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) trở thành một trong những yếu tố quyết định sự thành công của các quốc gia trên thế giới. Báo cáo của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) năm 2020 đã ghi nhận sự tiến bộ đáng kể của Việt Nam trong Chỉ số ĐMST toàn cầu (GII), với việc đứng thứ 42/131 quốc gia và đứng thứ 9/17 trong khu vực Đông Nam Á, Đông Á và châu Đại Dương. Nghiên cứu của Lucy Cameron và đồng nghiệp (2019) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực ĐMST của sinh viên, coi đây là nguồn lực chủ chốt để thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong xã hội. Đối mặt với thách thức trên, nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá

năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của sinh viên các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học khối ngành Kinh tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Việc nghiên cứu về đề tài “Năng lực đổi mới sáng tạo cho sinh viên khối ngành kinh tế tại một số trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An” có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực đổi mới cho sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh nghệ An nói riêng và cả nước nói chung.

2. Cơ sở lý luận về năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên tại các trường đại học

2.1. Khái niệm về năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên tại các trường đại học

Năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên là một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng, được xây dựng

trên nền tảng của nhiều cơ sở lý luận. Trong nghiên cứu của Amabile, T. M. (1983) cho rằng tư duy sáng tạo được xem là một yếu tố quan trọng trong năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên. Sự tự chủ và khả năng tự quản lý cũng được coi là một yếu tố quyết định trong quá trình đạt được sự sáng tạo. Trong nghiên cứu của Runco, M. A. (2004) cho rằng, học tập sự đa dạng và khả năng giải quyết vấn đề được liên kết mật thiết với năng lực đổi mới sáng tạo. Sự tiếp xúc với nhiều loại kiến thức và kỹ năng giúp sinh viên phát triển khả năng sáng tạo của mình. Theo Sternberg (2003), khả năng ứng dụng kiến thức vào bối cảnh thực tế và giải quyết vấn đề là một khía cạnh quan trọng của năng lực đổi mới sáng tạo. Sinh viên có khả năng ứng dụng linh hoạt kiến thức đã học vào các tình huống thực tiễn.

Nhìn chung, năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên đang trở thành một vấn đề xã hội quan tâm hiện nay. Các khía cạnh tiếp cận trên giúp chúng ta nhìn nhận rõ hơn về đa chiều và tính toàn diện của năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên, từ đó, giúp xây dựng các chiến lược giáo dục hiệu quả nhằm phát triển năng lực đổi mới sáng tạo trong giáo dục đại học.

2.2. Vai trò của năng lực đổi mới đối với sinh viên tại các trường đại học

Năng lực đổi mới không chỉ khuyến khích sinh viên tư duy sáng tạo còn giúp phát triển khả năng suy luận logic, giúp sinh viên tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ và tạo ra các giải pháp độc đáo. Bên cạnh đó, thông qua các dự án đổi mới, sinh viên có cơ hội thực hành và ứng dụng kiến thức học được vào thực tế, từ đó, giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các nguyên lý học thuật và phát triển kỹ năng thực hành.

Năng lực đổi mới thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và doanh nhân trong sinh viên, khuyến khích thử nghiệm ý tưởng và xây dựng các dự án kinh doanh từ những ý tưởng sáng tạo. Các dự án đổi mới thường yêu cầu làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và giải quyết vấn đề. Qua đó, sinh viên phát triển kỹ năng mềm như lãnh đạo, teamwork và kỹ năng

giao tiếp... Việc khuyến khích đổi mới tạo ra một môi trường học tập khuyến khích, nơi mà sinh viên cảm thấy tự do để thử nghiệm ý tưởng mới và không sợ thất bại.

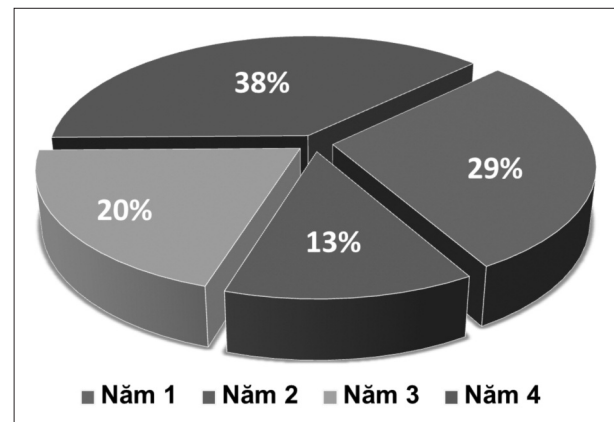
3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

+ *Dữ liệu thứ cấp*: Nghiên cứu đã sử dụng một phương pháp nghiên cứu tích hợp số liệu và phân tích từ các nguồn đáng tin cậy như báo cáo, các công trình nghiên cứu khác nhau, nhằm đảm bảo tính chính xác và đáng tin cậy của thông tin và dữ liệu được thu thập. Kết quả nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở phân tích năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ *Dữ liệu sơ cấp*: Sau khi khảo sát, nhóm đã thu được 250 kết quả từ các bạn sinh viên từ năm 1 tới năm 4 tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cụ thể như Hình 1.

Hình 1: Đối tượng khảo sát theo độ tuổi



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu (2023)

Có 250 đối tượng khảo sát bao gồm 29% là sinh viên năm nhất, tương ứng 72 sinh viên. Số sinh viên chiếm tỷ trọng cao nhất trong bảng khảo sát là sinh viên năm thứ tư với 38%, tương ứng 95 sinh viên điền khảo sát. Ngoài ra, sinh viên năm thứ hai và sinh viên năm thứ ba lần lượt chiếm tỷ trọng là 13% và 20%. Chủ yếu đối tượng khảo sát là sinh viên Trường Đại học Vinh chiếm 60%, tương ứng 150 sinh viên được khảo sát. Sau đó là Trường Đại học Kinh tế Nghệ An với 100 sinh viên, tương ứng 40%.

Nhìn chung, việc chuẩn bị kiến thức, kỹ năng và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo từ khi học đại học trở nên quan trọng, mang lại lợi thế cạnh tranh khi tìm kiếm công việc và đạt được mức thu nhập cao khi sinh viên tốt nghiệp. Điều này thể hiện sự nhận thức sâu sắc về mối liên kết giữa năng lực đổi mới và thành công trong sự nghiệp của sinh viên.

3.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp... được áp dụng để phân tích chi tiết vấn đề nghiên cứu, đồng thời xác định mối liên quan giữa các nhân tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên. Việc sử dụng kết hợp linh hoạt của các phương pháp nghiên cứu đã giúp nghiên cứu đạt được toàn diện và tin cậy trong quá trình phân tích và đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

nhân về năng lực đổi mới sáng tạo, đồng thời bắt đầu tham gia thị trường lao động, dần thích nghi với các yêu cầu thay đổi liên tục của thị trường lao động.

Dựa vào phương pháp đánh giá bằng điểm trung bình (mean - M) và độ lệch chuẩn (S.D) với độ lệch chuẩn 95%, nhóm tác giả đã thực hiện đánh giá mức độ năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên và các nhân tố ảnh hưởng. Biến "Sự Tự Tin" (NL1) (Đánh giá mức độ sự tự tin của sinh viên với các yếu tố thành phần khác nhau); Biến "Năng Lượng Cá Nhân" (NL2): Đánh giá khả năng năng lượng cá nhân của sinh viên dựa trên các yếu tố thành phần. Biến "Mức Độ Chấp Nhận Rủi Ro" (NL3): Đánh giá sự chấp nhận rủi ro của sinh viên với các yếu tố thành phần; Biến "Sáng Tạo" (NL4): Đánh giá mức độ sáng tạo của sinh viên dựa trên các yếu tố thành phần. (Bảng 1)

Bảng 1. Kết quả đánh giá “năng lực đổi mới sáng tạo” của sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An

	Mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
NL1	250	1.0	5.0	4.01	.714
NL2	250	1.0	5.0	3.93	.702
NL3	250	2.0	5.0	3.64	.737
NL4	250	2.0	5.0	3.95	.632
Valid N listwise)	250				

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu (2023)

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Năng lực đổi mới sáng tạo là một trong những năng lực cốt lõi làm nền tảng và cung cấp tư duy, học tập, giao tiếp, làm việc để thúc đẩy khả năng thích ứng nghề nghiệp của mỗi sinh viên khi tốt nghiệp tham gia thị trường lao động. Thời điểm sinh viên tốt nghiệp, các sinh viên đã đạt các chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo bậc cử

Để đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cần thực hiện một phân tích chi tiết hơn dựa trên các chỉ số và thông tin trong Bảng 1.

+ *Mẫu và kích thước mẫu (N):*

Mẫu trong nghiên cứu này bao gồm 250 sinh viên khối ngành Kinh tế từ các trường đại học tại tỉnh Nghệ An. Việc chọn mẫu lớn như vậy giúp tăng tính đại diện và độ tin cậy của kết quả.

+ *Giá trị nhỏ nhất và lớn nhất:*

Khoảng giá trị từ 1.0 đến 5.0 cho thấy độ đa dạng trong đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên. Điều này có thể phản ánh sự đa dạng trong ý kiến và đánh giá của sinh viên về khả năng đổi mới.

+ *Giá trị trung bình (Mean):*

Điểm trung bình từ 3.64 đến 4.01, nằm trong mức cao và cho thấy một mức độ tích cực về năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành Kinh tế. Điều này có thể đề xuất sự chú ý và cam kết đối với khả năng đổi mới từ phía sinh viên.

+ *Độ lệch chuẩn (Standard Deviation - S.D):*

Độ lệch chuẩn thấp, trong khoảng từ 0.632 đến 0.737, có thể cho thấy mức độ đồng đều trong cách sinh viên đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo. Điều này có thể phản ánh sự nhất quán trong quan điểm của sinh viên về đổi mới sáng tạo.

Như vậy, đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An cho thấy sự đa dạng trong quan điểm và nhận thức của sinh viên. Giải pháp tăng cường các biện pháp khuyến khích và hỗ trợ nhằm phát triển năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên cần được các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An thực hiện một cách đồng bộ.

4.2. Đánh giá chung về năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành Kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An

4.2.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, sinh viên có cơ hội tiếp cận và sử dụng công nghệ hiện đại, từ đó nâng cao hiểu biết về ứng dụng của công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, từ đó, hình thành năng lực đổi mới sáng tạo. Công nghệ hỗ trợ sinh viên trong việc tạo ra các ý tưởng mới và phương pháp tiếp cận sáng tạo để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ hai, sinh viên phát triển kỹ năng số thông qua việc sử dụng và làm việc công nghệ số, từ đó, sinh viên có thể thích ứng với thị trường lao động hiện đại. Đồng thời, chuyển đổi số tạo ra cơ hội cho sự kết nối và học hỏi trực tuyến, làm tăng cường cộng đồng học thuật và chia sẻ kiến thức giữa sinh viên từ các trường đại học khác nhau,

các quốc gia khác nhau, góp phần hình thành năng lực đổi mới sáng tạo thích nghi với bối cảnh kinh tế mới.

4.2.2. Những hạn chế

Thứ nhất, một số sinh viên và giảng viên các trường đại học của Nghệ An gặp khó khăn khi thích nghi với sự thay đổi, đặc biệt là đối với công nghệ mới. Một phần do sinh viên và giảng viên tại các trường không quen với những thay đổi, lo ngại và không thoải mái khi phải thích nghi với môi trường và điều kiện học tập mới.

Thứ hai, thiếu môi trường thực tế và thách thức thực tế có thể làm giảm khả năng sinh viên đối mặt với những vấn đề phức tạp và tìm kiếm giải pháp đột phá. Sự hàn lâm trong học thuật có thể dẫn đến việc sinh viên chủ yếu tuân theo kiến thức đã được xây dựng, không khuyến khích họ đặt câu hỏi, hay đề xuất những góc nhìn mới.

4.2.3. Nguyên nhân hạn chế

Thứ nhất, do khả năng sẵn sàng thay đổi của một số giảng viên và sinh viên chưa cao. Một số sinh viên và giảng viên chưa linh hoạt trong việc chấp nhận và thích nghi với sự thay đổi, xuất phát từ sự quen thuộc với phong cách học truyền thống và sự lo ngại thay đổi.

Thứ hai, thiếu kinh nghiệm với công nghệ mới, một số giảng viên và sinh viên chưa quen với việc sử dụng công nghệ mới, vì vậy, sẽ thấy không thoải mái khi phải thích nghi với các hình thức học tập có ứng dụng công nghệ.

Thứ ba, việc chuyển đổi sang học tập ứng dụng công nghệ mới dẫn đến một số vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin, gia tăng rủi ro về mất thông tin cá nhân sinh viên hoặc bị tấn công mạng. Các trường đại học phải đối mặt với áp lực lớn để đảm bảo an toàn thông tin, nhất là khi thông tin của sinh viên được lưu trữ và xử lý trực tuyến.

5. Giải pháp tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành kinh tế tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Để tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của sinh viên khối ngành kinh tế tại các trường đại học

trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cần thực hiện một loạt các giải pháp toàn diện, từ chính sách giáo dục đến các hoạt động hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Thứ nhất, thiết kế chương trình học linh hoạt, cho phép sinh viên tham gia các khóa học, dự án và hoạt động ngoại khóa có tính sáng tạo. Các học phần trong chương trình đào tạo cần tập trung vào việc phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo và thực hành đổi mới.

Thứ hai, khuyến khích sự sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu, tăng cường sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên thông qua các dự án, thực tập và nghiên cứu cộng đồng. Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào các nhóm nghiên cứu và dự án thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ ba, hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất, cung cấp nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho sinh viên thực hiện các dự án nghiên cứu và sáng tạo, như

cung cấp quỹ hỗ trợ nghiên cứu sinh viên, phòng thí nghiệm hiện đại và trang thiết bị công nghệ...

Thứ tư, xây dựng môi trường học tập tích cực, tạo ra một môi trường học tập và làm việc tích cực, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới như buổi thảo luận, hội thảo và cuộc thi sáng tạo có thể được tổ chức để thúc đẩy ý tưởng mới và sự đổi mới. Đồng thời, cung cấp các khóa đào tạo và hoạt động phát triển kỹ năng mềm như tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Điều này giúp sinh viên trở nên linh hoạt và tự tin hơn trong việc thể hiện, cũng như triển khai ý tưởng đổi mới.

Thứ năm, tạo mối liên kết với doanh nghiệp và cộng đồng, cần xây dựng các đối tác với doanh nghiệp và tổ chức trong cộng đồng để cung cấp cơ hội thực tập, dự án thực tế và tư vấn cho sinh viên. Điều này giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế và tạo ra các giải pháp đổi mới cho các vấn đề thực tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phạm Thành Hưng (2018). Vai trò của nhà nước trong thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp. Luận án Thạc sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
2. A.R.Ovbiagbonhia, Bas Kolloffel & Perry den Brok (2019), Educating for innovation: students perceptions of the learning environment and of their own innovation competence. Learning Environment Research.
3. Benedek, M., Silvia, P. J., & Schacter, D. L. (2016). Creative Cognition and Brain Network Dynamics. Trends in Cognitive Sciences, . 20 (2), 87-95.
4. Joao Ferreira, Cristina Fernandes, Mario Raposo (2017). The Effects of Location on Firm Innovation Capacity. Journal of Knowledge Economy 8.
5. Keinanen & Mertanen (2018). Researching learning environments and students innovation competence. Publisher: Emerald Publishing Limited.
6. Laurie Santos (2020). The science of well - being, Yale University.
7. Richardson, C., & Mishra, P. (2018). Learning environments that support student creativity: Developing the SCALE. Thinking Skills and Creativity.
8. Walder, A. M. (2014). The concept of pedagogical innovation in higher education. Education Journal, 3(3), 195-202.

Ngày nhận bài: 14/01/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/01/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/02/2024

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH

2. TS. TRẦN THỊ THANH THỦY

3. ĐẬU THỊ TÂM

4. CAO HỒNG QUÂN

Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

**THE INNOVATIVE CREATIVITY COMPETENCE
OF STUDENTS MAJORING IN ECONOMICS
IN SOME UNIVERSITIES IN NGHE AN PROVINCE**

● PhD. NGUYEN THI THUY QUYNH¹

● PhD. TRAN THI THANH THUY¹

● DAU THI TAM¹

● CAO HONG QUAN¹

¹College of Economics, Vinh University

ABSTRACT:

This study assessed the innovative creativity competence of university students, particularly those specializing in economics, in Nghe An province. Based on the study's findings, some practical solutions were proposed to improve the learning environment, teaching methods, etc. to strengthen the innovative creativity competence of university students majoring in economics in Nghe An province.

Keywords: innovation, student majoring in economics, Nghe An province.